

Số: 29 /2024/CV- LMH

Nha Trang, ngày 13 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 với Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding

- Mã chứng khoán: LMH

- Địa chỉ: Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại: 0914200200

- E-mail: info@quocteholding.vn

- Website: https://quocteholding.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 10/4/2024 tại đường dẫn: <https://quocteholding.vn/vi/bao-cao-tai-chinh>

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024.
- Công văn giải trình số 28 /2024/CV-LMH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC.



Đặng Thúy Vy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ HOLDING**

Số: 28 /CV-LMH

V/v Giải trình kết quả soát xét BCTC
Bán Niên 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nha Trang, ngày 13 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ký ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán bán niên 2024, của Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding. Đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS),

Lời đầu tiên, chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng đồng thời cảm ơn Quý Cơ quan đã luôn hỗ trợ và đồng hành trong suốt thời gian qua.

1. Giải trình chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm trước:

Loại báo cáo tài chính (BCTC)	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			
	Bán niên 2024	Bán niên 2023	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
BCTC tổng hợp	(2.984.222.541)	(2.700.402.785)	(283.819.756)	-10,5%

Đối với báo cáo tài chính tổng hợp, lợi nhuận sau thuế của báo cáo tài chính bán niên 2024 tăng lỗ (10,5%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do trong kỳ kinh doanh 2024 hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và bất động sản chưa đạt như kỳ vọng, thị trường ngành xây dựng sụt giảm do đó Công ty chưa có được doanh thu hoạt động như kỳ vọng.

2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận tăng lỗ so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2024 có sự chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do phát sinh chi phí tài chính, chi phí phải trả do quá hạn thanh toán theo tiến độ-hợp đồng. Đây là các yếu tố chính ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo.

3. Giải trình ý kiến từ chối của Kiểm toán:

- Vấn đề kiểm toán nêu: “ Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các kế hoạch kinh doanh và các cam kết hỗ trợ tài chính cho Công ty từ các cổ đông cũng như các bên khác có liên quan để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty.”



Ý kiến giải trình: Do việc tổ chức đại hội xin ý kiến cổ đông năm 2024 không thành công, vì không đủ tỷ lệ cổ đông tham dự họp đại diện tối thiểu 50% số lượng cổ phần. Việc không tổ chức được đại hội cổ đông lần 1/2024, dẫn đến chưa được Đại hội thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024.

- Vấn đề kiểm toán nêu: “Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại công ty, với số tiền 3.235.843.300 đồng. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, chính xác của khoản mục này”

Ý kiến giải trình: Do hoạt động kiểm toán bán niên được thực hiện tại thời điểm 01/08/2024 diễn ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán bán niên 2024. Vì vậy công tác kiểm kê quỹ chỉ do cán bộ nhân viên trong Công ty tự thực hiện kiểm kê định kỳ mà không có sự chứng kiến của kiểm toán viên. Tuy nhiên số liệu kiểm kê quỹ tiền mặt được thực hiện đầy đủ đúng quy định, phản ánh trung thực số liệu sổ sách và thực tế.

- Vấn đề kiểm toán nêu: “Dự án Manhattan Tower đang bị chậm tiến độ và tạm dừng thi công. Giá trị chi phí dở dang ghi nhận đến ngày 30/06/2024 là 40.519.321.543 đồng. Với tài liệu hiện có, chúng tôi chưa xác định được việc có cần trích lập dự phòng cho chi phí dở dang này hay không. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đánh giá của chi phí dở dang nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính của Công ty.”

Ý kiến giải trình: Như đã trình bày trong các kỳ báo cáo các năm trước, Dự án Manhattan Tower đang bị chậm tiến độ và tạm dừng thi công do một số nguyên nhân khách quan như ảnh hưởng đại dịch covid19 và thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo thông báo của cơ quan chủ quản. Hiện nay Dự án vẫn đang tạm dừng để phục vụ công tác điều tra của Bộ Quốc Phòng. Vì vậy Công ty chưa xác định căn cứ để xác lập dự phòng đối với giá trị chi phí dở dang tại dự án.

- Vấn đề kiểm toán nêu: “Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các xác nhận công nợ phải thu khách hàng, số tiền 119.866.972.792 đồng, trả trước người bán, số tiền 91.011.545.295 đồng, công nợ cho vay ngắn hạn, số tiền 6.157.568.000 đồng, công nợ tạm ứng và phải thu khác, số tiền 50.510.410.947 đồng.”

Ý kiến giải trình: Hiện nay công ty gặp nhiều khó khăn trong việc xác định tính hiện hữu của khách hàng vì các nguyên nhân: Khách hàng không hiện hữu tại nơi địa chỉ đã đăng ký, khách hàng tạm ngừng hoạt động kinh doanh hoặc thay đổi địa điểm kinh doanh mà không thông báo cho Công ty. Dẫn đến Công ty không thể thực hiện liên hệ với khách hàng để xác nhận công nợ định kỳ.

- Vấn đề kiểm toán nêu: “Chúng tôi chưa nhận được các xác nhận công nợ phải trả nhà cung cấp, số tiền 87.749.171.848 đồng, người mua trả trước, số tiền 4.254.116.573 đồng, công nợ phải trả khác, số tiền 32.616.872.277 đồng, số dư nợ vay ngân hàng, số tiền 23.751.144.114 đồng.”

Ý kiến giải trình: Trong kỳ Công ty đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ tới các khách hàng theo các địa chỉ đã đăng ký, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn không nhận được hồi đáp xác nhận của các khách hàng.

Về khoản dư nợ vay tín dụng tại ngân hàng đang còn vướng mắc tranh chấp và đang được tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý giải quyết.

Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding kính báo cáo đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ HOLDING
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thúy Vy





**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ HOLDING**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị kiểm toán:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**

29 Võ Thị Sáu, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947

Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 09
2. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10 - 10
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0311803955, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của công ty tại Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ, bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản;
- Hoàn thiện xây dựng công trình.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024 được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/03/2023
Ông Đặng Duy Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2023
Ông Đinh Văn Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2023
Ông Nguyễn Ngọc Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2023
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2022

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thuý Vy	Tổng giám đốc - Đại diện pháp luật	Bổ nhiệm ngày 30/03/2023
-----------------	------------------------------------	--------------------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Bà Phạm Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 16/08/2021
Bà Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2021
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2022

Kế toán trưởng

Ông Phạm Đức Thọ	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
------------------	--------------------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024.

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2024

T.M. Ban Tổng Giám Đốc



Đặng Thuý Vy
Tổng Giám Đốc

Số: 621./BCKT-TC/2024/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding, được lập ngày 13/08/2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Báo cáo tài chính kỳ 06 tháng đầu năm 2024 được Ban Tổng Giám Đốc Công ty lập dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Tuy nhiên:

+ Tình hình tài chính của Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn như đã trình bày tại mục I.5 và mục VIII.4 Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

+ Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các kế hoạch kinh doanh và các cam kết hỗ trợ tài chính cho Công ty từ các cổ đông cũng như các bên khác có liên quan để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý của việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập Báo cáo tài chính này. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể xác định được liệu có cần thực hiện các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 trong trường hợp không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục hay không.

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại công ty, với số tiền 3.235.843.300 đồng. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, chính xác của khoản mục này.

- Như đã trình bày tại mục V.7 thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, dự án Manhattan Tower đang bị chậm tiến độ và tạm dừng thi công. Giá trị chi phí dở dang ghi nhận đến ngày 30/06/2024 là 40.519.321.543 đồng. Với tài liệu hiện có, chúng tôi chưa xác định được việc có cần trích lập dự phòng cho chi phí dở dang này hay không. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đánh giá của chi phí dở dang nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính của Công ty.



- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các xác nhận công nợ phải thu khách hàng, số tiền 119.866.972.792 đồng, trả trước người bán, số tiền 91.011.545.295 đồng, công nợ cho vay ngắn hạn, số tiền 6.157.568.000 đồng, công nợ tạm ứng và phải thu khác, số tiền 50.510.410.947 đồng.

- Chúng tôi chưa nhận được các xác nhận công nợ phải trả nhà cung cấp, số tiền 87.749.171.848 đồng, người mua trả trước, số tiền 4.254.116.573 đồng, công nợ phải trả khác, số tiền 32.616.872.277 đồng, số dư nợ vay ngân hàng, số tiền 23.751.144.114 đồng.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại mục V.5 thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu Công ty TNHH Nông Hải Sản Thương Mại Dịch Vụ Thiên Tuế, số tiền 19.300.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng tài sản tại lô 4-8 đường KCN Tân Bình chưa thể thu hồi. Công ty đã tiến hành các thủ tục khởi kiện tại Toà Án Nhân Dân Quận Tân Phú. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, tranh chấp vẫn chưa được giải quyết.

- Như đã trình bày tại mục V.7 thuyết minh báo cáo tài chính, Toà Án Nhân Dân Quận 3 đã tuyên huỷ kết quả đấu giá và huỷ hợp đồng mua tài sản đấu giá đối với 4 căn hộ tại Chung cư 179C Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty. Theo đó, Công ty sẽ được Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự Quận 3 hoàn trả lại số tiền 28,91 tỷ đồng. Tuy nhiên, ngày 08/12/2022, Toà Án Nhân Dân Quận 3 thông báo nhận được kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ án vẫn đang trong quá trình thụ lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh VIII.4 "Thông tin về hoạt động liên tục" của Công ty:

Tại ngày 30/06/2024 Tổng số lỗ lũy kế của Công ty là 303.245.071.809 đồng, làm cho Vốn chủ sở hữu âm 46.945.121.809 đồng; Nợ phải trả lớn Tổng tài sản là 46.945.121.809 đồng; Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 46.945.621.809 đồng, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không đảm bảo. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.4, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn quyết định lập và trình bày Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán được ký ngày 09/04/2024, kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán. Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán là do tồn tại các vấn đề như đã nêu tại đoạn "Cơ sở từ chối đưa ra kết luận kiểm toán" nêu trên. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các vấn đề đó vẫn chưa được xử lý.

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH ÁI

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 3770-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		103.065.352.467	103.509.139.373
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.535.632.399	4.942.302.602
1. Tiền	111		4.535.632.399	4.942.302.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.810.567.235	27.849.545.235
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	119.866.972.792	119.866.972.792
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	91.011.545.295	91.050.523.295
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	6.157.568.000	6.157.568.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	50.510.410.947	50.510.410.947
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(239.735.929.799)	(239.735.929.799)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	69.809.321.543	69.810.303.024
1. Hàng tồn kho	141		69.809.321.543	69.810.303.024
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		909.831.290	906.988.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	7.681.170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	908.936.972	899.307.342
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.13	894.318	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		500.000	500.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000	500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	500.000	500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	-	-
- Nguyên giá	222		-	33.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(33.000.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		103.065.852.467	103.509.639.373



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		150.010.974.276	147.470.538.641
I Nợ ngắn hạn	310		150.010.974.276	147.470.538.641
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	87.749.171.848	87.885.376.353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.254.116.573	4.254.116.573
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	83.291.366
4. Phải trả người lao động	314		1.426.227.923	1.426.227.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	213.441.541	213.441.541
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	32.616.872.277	29.856.940.771
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	23.751.144.114	23.751.144.114
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(46.945.121.809)	(43.960.899.268)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(46.945.121.809)	(43.960.899.268)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		256.299.950.000	256.299.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		256.299.950.000	256.299.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(303.245.071.809)	(300.260.849.268)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(300.260.849.268)	(229.412.321.747)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.984.222.541)	(70.848.527.521)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		103.065.852.467	103.509.639.373

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Phan Thị Linh Trúc

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thọ



Tổng Giám đốc

Đặng Thuý Vy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	38.475.683.961
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	38.475.683.961
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	37.815.241.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	660.442.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.159.408	1.326.794
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.760.597.043	2.940.830.156
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.598.809.892	1.414.228.844
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6.b	981.481	31.272.455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.a	223.803.425	401.157.593
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.984.222.541)	(2.711.490.785)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	-	11.088.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	11.088.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(116)	(105)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(116)	(105)

Người lập biểu

Phan Thị Linh Trúc

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thọ

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám Đốc



Đặng Thuý Vy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
2	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		
	Các khoản dự phòng	03	-	
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.159.408)	-1.326.794
	Chi phí lãi vay	06	1.598.809.892	1.414.228.844
	Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(1.386.572.057)	(1.287.500.735)
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	28.454.052	-16.234.958.085
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	981.481	30.145.115.785
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	959.807.561	-11.963.579.667
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.681.170	19.873.076
	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
	Tiền lãi vay đã trả	14		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.181.818)	
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(407.829.611)	678.950.374
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.159.408	1.326.794
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.159.408	1.326.794
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3	Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-629.245.000
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(629.245.000)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(406.670.203)	51.032.168
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.942.302.602	1.330.962.964
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.535.632.399	1.381.995.132

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Phan Thị Linh Trúc

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thọ

Tổng Giám Đốc



Đặng Thuý Vy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0311803955, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của công ty tại Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của công ty tại ngày 30/06/2024 là 256.299.950.000 đồng, tương đương 25.629.995 cổ phần. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Mã chứng khoán: MLH

Sàn giao dịch: UPCoM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản;
- Hoàn thiện xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Sau quá trình thực hiện tái cơ cấu, một số vấn đề còn tồn tại trước đây: Dự án Manhattan Tower chậm tiến độ và đang tạm dừng thi công; một số khoản nợ phải thu quá hạn chưa thu hồi được và do các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và tình hình tài chính vẫn chưa được cải thiện.

Kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024, Công ty không phát sinh doanh thu, giá vốn từ hoạt động kinh doanh chính, kết quả kinh doanh tiếp tục lỗ -2.984.222.541 đồng, lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2024 là -303.245.071.809 đồng, làm âm vốn chủ sở hữu -46.945.121.809 đồng.

Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của công ty là 46.945.621.809 đồng. Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với số tiền 23.751.144.114 đồng và một số khoản nợ quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 117.466.044.125 đồng chưa được thanh toán. Khoản tạm ứng của bên liên quan với số tiền 22.500.000.000 đồng chưa được thu hồi.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty khẳng định không có ý định tạm dừng kinh doanh và nỗ lực thực hiện các biện pháp để giảm thiểu chi phí, đôn đốc thu hồi công nợ để cải thiện tình hình tài chính hiện tại của Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính kỳ 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty vẫn tiếp tục lập trên giả định hoạt động liên tục.

Tại thời điểm này, các hoạt động của công ty chủ yếu được diễn ra tại Chi nhánh Nha Trang, địa chỉ 11/12D Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau hạch toán phụ thuộc

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding

Địa chỉ: 86/4 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

- Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding - Chi nhánh Nha Trang.
Địa chỉ: 11/12D Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

7. Số lao động tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 : là 02 người, tại ngày 31/12/2023 là 8 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

- Không áp dụng

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : không áp dụng

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền : không áp dụng

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính :

a. Chứng khoán kinh doanh:

Không áp dụng

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c. Đối với các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ

d. Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu thì chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó; Nếu các đơn vị được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

đ. Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Không áp dụng

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

- Giao dịch hoán đổi cổ phiếu : không phát sinh
- Giao dịch đầu tư dưới hình thức góp vốn: không phát sinh
- Giao dịch dưới hình thức mua lại phần vốn góp: không phát sinh
- Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu: không phát sinh

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu :

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, trích lập dự phòng theo tỷ lệ
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, Tài sản cố định thuê tài chính, Bất động sản đầu tư

a. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 do Bộ Tài Chính ban hành.

b. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định thuê tài chính

- Tài sản cố định thuê tài chính: Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như tài sản cố định của công ty.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh : không phát sinh

10. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để phân bổ hợp lý.
- Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả :

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- + Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

+ Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty không đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Công ty không ghi nhận nợ phải trả thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty không lập dự phòng nợ phải trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính :

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Công ty không phát sinh Dự phòng phải trả

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Công ty không phát sinh Doanh thu chưa thực hiện

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

+ Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

+ Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu, sau khi trừ (-) khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

Tại công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ đánh giá lại tài sản.

c. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư).

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ. Trường hợp bán hàng trả chậm thì phần lãi trả chậm được hoãn lại ở khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" và sẽ ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi đến hạn thu được khoản tiền lãi này.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/ hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm theo nguyên tắc:

- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ này.
- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ sau.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- + Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- + Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty.

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

25. Báo cáo bộ phận



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh. Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



ĐVT : VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	3.235.843.300	3.643.201.446
Tiền gửi ngân hàng	1.299.789.099	1.299.101.156
Tổng	4.535.632.399	4.942.302.602

2. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
119.401.595.792	119.401.595.792	119.401.595.792
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Đông Phương	16.128.000.000	16.128.000.000
Công ty Cổ Phần Eco Galaxy	19.440.000.000	19.440.000.000
Công ty Cổ Phần Eco Petro	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Ba Đình	20.057.259.526	20.057.259.526
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Eastern Tigers	46.628.746.333	46.628.746.333
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.147.589.933	7.147.589.933

b. Phải thu của khách hàng dài hạn

	-	-
--	---	---

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ Phần Du Lịch và Thương Mại Quốc Tế	465.377.000	465.377.000
Cộng	465.377.000	465.377.000
	119.866.972.792	119.866.972.792

3. Trả trước cho người bán

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
91.011.545.295	91.050.523.295	91.050.523.295
Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Ba Đình (1)	87.620.629.898	87.620.629.898
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị	2.200.000.000	2.200.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.190.915.397	1.229.893.397

b. Trả trước cho người bán dài hạn

	-	-
--	---	---

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	-	-
Cộng	91.011.545.295	91.050.523.295

(1) : Ngày 01/11/2017, Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Ba Đình (Bên A) và Công ty Cổ Phần Landmark Holding (nay là Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding) (Bên B) đã ký kết hợp đồng số 05/HĐUQ-BĐ, theo đó, Bên A uỷ quyền cho Bên B (cho thuê hoặc thuê mua) Tổ hợp văn phòng dịch vụ thương mại Thành An Tower (nay là Manhattan Tower) tại số 21 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội gồm 327 căn hộ và khu thương mại. Đến ngày 04/01/2018, Công ty đã thanh lý hợp đồng 05/HĐUQ-BĐ, đồng thời, ký thoả thuận mua bán số 05/TTTB-TĐ, theo đó, Bên A đồng ý bán 327 căn hộ và khu thương mại thuộc Dự án cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

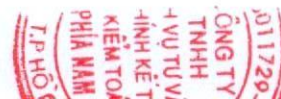
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Kyeongin Motor (1)	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000
Cộng	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000

(1): Hợp đồng cho vay số 01/2018/HĐTD/LMH-KMV ngày 18/04/2018 và phụ lục hợp đồng cho vay số 01 ngày 02/07/2018, thời hạn cho vay 18 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm, cho vay bằng hình thức tín chấp.

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	50.510.410.947	23.196.626.042	50.510.410.947	23.196.626.042
- Ký quỹ ký cược	5.000.000		5.000.000	
- Tạm ứng	22.500.000.000	-	22.500.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Bích Phượng - Bên liên quan	22.500.000.000		22.500.000.000	
- Công ty TNHH Nông Hải Sản Thương Mại Dịch Vụ Thiên Tuế (1)	19.300.000.000	19.300.000.000	19.300.000.000	19.300.000.000
- Lãi dự thu	1.572.236.697	181.528.082	1.572.236.697	181.528.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	1.624.730.582	1.624.730.582	1.624.730.582	1.624.730.582
- Bà Bùi Thị Luyến	2.673.774.459	128.664.864	2.673.774.459	128.664.864
- Ông Lương Quang Vinh	2.263.702.310	1.678.201.252	2.263.702.310	1.678.201.252
- Các khoản phải thu khác	570.966.899	283.501.262	570.966.899	283.501.262
b. Dài hạn	500.000	-	500.000	-
- Ký quỹ ký cược	500.000	-	500.000	-
Cộng	50.510.910.947	23.196.626.042	50.510.910.947	23.196.626.042

(1): Công ty TNHH Nông Hải Sản Thương Mại Dịch Vụ Thiên Tuế (Thiên Tuế) và Công ty Cổ Phần Landmark Holding (nay là Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding) đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 4-8 đường CN4 KCN Tân Bình, phường Tân Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang tranh chấp kiện tụng tại Toà Án Nhân Dân quận Tân Phú theo Giấy triệu tập đương sự tại toà án ngày 20/05/2020 về vụ án "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị trích dự phòng
6.1. Phải thu ngắn hạn	119.401.105.859	119.401.105.859	119.401.105.859	119.401.105.859
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Đông Phương	16.128.000.000	16.128.000.000	16.128.000.000	16.128.000.000
Công ty Cổ Phần Eco Galaxy	19.440.000.000	19.440.000.000	19.440.000.000	19.440.000.000
Công ty Cổ Phần Eco Petro	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Ba Đình	20.057.259.526	20.057.259.526	20.057.259.526	20.057.259.526
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Eastern Tigers	46.628.746.333	46.628.746.333	46.628.746.333	46.628.746.333
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sài Gòn Đông Dương	4.347.100.000	4.347.100.000	4.347.100.000	4.347.100.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	90.980.629.898	90.980.629.898	90.980.629.898	90.980.629.898
Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Ba Đình (1)	87.620.629.898	87.620.629.898	87.620.629.898	87.620.629.898
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Trung Tâm Tư Vấn Xây Dựng	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000
6.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000
Công ty TNHH Kyeongin Motor	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000	6.157.568.000
6.4. Phải thu ngắn hạn khác	23.196.626.042	23.196.626.042	23.196.626.042	23.196.626.042
Công ty TNHH Nông Hải Sản Thương Mại Dịch Vụ Thiên Tuế	19.300.000.000	19.300.000.000	19.300.000.000	19.300.000.000
Các đối tượng khác	3.896.626.042	3.896.626.042	3.896.626.042	3.896.626.042
Cộng	239.735.929.799	239.735.929.799	239.735.929.799	239.735.929.799



7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	69.809.321.543	-	69.809.321.543	-
- Hàng hóa	-	-	981.481	-
Tổng	69.809.321.543	-	69.810.303.024	-

Ghi chú:

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 6 tháng đầu năm 2024 chưa phát sinh việc trích lập hoặc hoàn nhập.

(1): Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án	29.290.000.000	-	29.290.000.000	-
Chung cư 179C Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3 (1.1)	29.290.000.000	-	29.290.000.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án	40.519.321.543	-	40.519.321.543	-
Chi phí thi công dự án Manhattan Tower (1.2)	40.519.321.543	-	40.519.321.543	-
Cộng	69.809.321.543	-	69.809.321.543	-

(1.1): Giá trị tài sản là 4 căn hộ tại 179C Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản đấu giá tài sản ngày 17/01/2019 của Công ty Cổ Phần Đầu Giá Nam Giang tổ chức đấu giá tài sản. Theo Quyết định của Bản án số 39/2022/DS-ST ngày 28/11/2022 về việc tranh chấp huỷ bỏ kết quả bán đấu giá tài sản và huỷ bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá trên. Toà án sơ thẩm đã có quyết định buộc Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự Quận 3 hoàn trả cho Công ty Cổ Phần Landmark Holding (nay là Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding) số tiền 28.906.518.661 đồng và Công ty Cổ Phần Quốc Tế Holding bàn giao 4 tài sản tại địa chỉ số 179C Hai Bà Trưng, Phường 6 (nay là phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự Quận 3.

Ngày 08/12/2022, Toà Án Nhân Dân Quận 3 ra Thông báo số 1395/TB-TA thông báo nhận được kháng cáo của Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam về việc kháng cáo toàn bộ nội dung bản án đối với Bản án Sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 28/11/2022. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ này, vụ kiện vẫn đang trong quá trình kháng cáo.

(1.2): Chi phí thi công xây dựng Dự án Manhattan Tower tại số 21 Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện dự án từ quý 3/2014 đến quý 1/2018. Đến ngày 29/07/2022, Chủ đầu tư bao gồm Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Ba Đình và Tổng Công ty Thành An đã có văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư gửi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội giải trình về nguyên nhân chậm tiến độ và đề nghị điều chỉnh tiến độ dự án thực hiện đến quý 3/2024.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	908.936.972	899.307.342
+ Số thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	908.936.972	899.307.342
Cộng	908.936.972	899.307.342

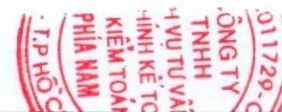
9. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	-	-	-	33.000.000	33.000.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	(33.000.000)	(33.000.000)
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	33.000.000	33.000.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	(33.000.000)	(33.000.000)
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay :
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng :
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý :
 - Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không
 - Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không
- (*): Giảm khác tài sản cố định hữu hình: Tiêu huỷ tài sản hư hỏng.

- đồng
- đồng
- đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

10. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	23.751.144.114	23.751.144.114	-	-	23.751.144.114	23.751.144.114
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	23.751.144.114	23.751.144.114			23.751.144.114	23.751.144.114
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	23.751.144.114	23.751.144.114	-	-	23.751.144.114	47.502.288.228

c. Các khoản nợ thuê tài chính: Không có.

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: Không có.

đ. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan : không phát sinh

Thông tin chi tiết về hợp đồng vay

(1) Hợp đồng tín dụng số 19.2110043/2019-HĐCVHM/NHCT900-LANDMARK ngày 14/06/2019.

Hạn mức cấp tín dụng:

35.000.000.000 đồng

Thời hạn vay:

Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng.

Lãi suất áp dụng:

Theo từng giấy nhận nợ.

Mục đích sử dụng vốn vay và thanh toán L/C:

Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Phương thức cho vay:

Theo hạn mức tín dụng.

Thời hạn duy trì hạn mức :

Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20/07/2024.

Biện pháp bảo đảm tiền vay:

Thế chấp tài sản của bên thứ ba.

Thế chấp tài sản của bên thứ ba, bao gồm: Căn hộ (Tầng 1 + lửng + tầng 2) tại 74 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, chủ sở hữu là Ông Hoàng Như Luận theo Hợp đồng thế chấp số 18.2500169/2018/HĐDB/NHCT900 ngày 27/06/2018.

Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2024:

23.751.144.114 đồng

Số dư nợ gốc vay quá hạn thanh toán tại thời điểm 30/06/2024:

23.751.144.114 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

11. Phải trả người bán

Khoản mục	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	87.749.171.848	-	87.885.376.353	87.885.376.353
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Xây Dựng Việt Nam	36.242.687.482	-	36.242.687.482	36.242.687.482
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Song Anh	33.266.043.129	-	33.266.043.129	33.266.043.129
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Đông Phương Tây Đô	6.200.000.000	-	6.200.000.000	6.200.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dầu Khí Vĩnh Tường	4.183.100.000	-	4.183.100.000	4.183.100.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	7.857.341.237	-	7.993.545.742	7.993.545.742
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	87.749.171.848	87.749.171.848	87.885.376.353	87.885.376.353
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

12. Người mua trả tiền trước

Khoản mục	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.254.116.573	4.254.116.573	4.254.116.573	4.254.116.573
- Tiền thu tiến độ dự án (i)	2.982.530.573	2.982.530.573	2.982.530.573	2.982.530.573
- Các đối tượng người mua trả trước ngắn hạn khác	1.271.586.000	1.271.586.000	1.271.586.000	1.271.586.000
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	4.254.116.573	4.254.116.573	4.254.116.573	4.254.116.573

(i): Các khách hàng cá nhân ứng tiền trước cho công ty để mua căn hộ tại Dự án Manhattan Tower số 21 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDING

Số 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

13. Thuế và các khoản phải nộp**a. Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế Giá trị gia tăng	65.109.548	-	65.109.548	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.181.818	-	18.181.818	-
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	83.291.366	5.000.000	88.291.366	-

b. Phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế Giá trị gia tăng	-	-	894.318	894.318
Cộng	-	-	894.318	894.318

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
14. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí phải trả khác	213.441.541	213.441.541
Cộng	213.441.541	213.441.541
15. Phải trả khác		
a. Ngắn hạn	2.900.000.000	2.900.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.900.000.000	2.900.000.000
b. Dài hạn	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	29.716.872.277	26.956.940.771
- Bảo hiểm xã hội	237.602.336	237.602.336
- Lãi chậm thanh toán		
+ Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Song Anh	14.389.914.479	13.228.792.865
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	14.277.756.843	12.678.946.951
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	811.598.619	811.598.619
Tổng	32.616.872.277	29.856.940.771



16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	256.299.950.000	-	-	(229.412.321.747)	-	26.887.628.253
- Tăng vốn kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	(2.700.402.785)	-	(2.700.402.785)
- Giảm khác kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	256.299.950.000	-	-	(232.112.724.532)	-	24.187.225.468
Số dư đầu năm nay	256.299.950.000	-	-	(300.260.849.268)	-	(43.960.899.268)
- Tăng vốn kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lỗ kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	(2.984.222.541)	-	(2.984.222.541)
- Giảm khác kỳ này	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	256.299.950.000	-	-	(303.245.071.809)	-	(46.945.121.809)



16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	256.299.950.000	256.299.950.000
Cộng	256.299.950.000	256.299.950.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	256.299.950.000	256.299.950.000
+ Vốn góp đầu năm	256.299.950.000	256.299.950.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm	256.299.950.000	256.299.950.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành	25.629.995	25.629.995
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.629.995	25.629.995
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.629.995	25.629.995
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.629.995	25.629.995
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.629.995	25.629.995
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

16.5 Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

16.6 Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOLDINGSố 51 đường An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức,
thành phố Hồ Chí Minh.**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc
ngày 30/06/2024**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	ĐVT : VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	-	7.968.067.598
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	30.100.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	-	407.616.363
Tổng	-	38.475.683.961
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ Phần Du Lịch và Thương Mại Quốc Tế	-	254.928.181
2. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	-	7.751.414.186
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	30.063.827.150
Tổng	-	37.815.241.336
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.159.408	1.326.794
Tổng	1.159.408	1.326.794
4. Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	1.598.809.892	1.414.228.844
- Lãi phạt quá hạn	1.161.121.614	1.524.616.277
- Chi phí tài chính khác	665.537	1.985.035
Tổng	2.760.597.043	2.940.830.156
5. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	-	11.088.000
Tổng	-	11.088.000
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	223.803.425	401.157.593
+ Chi phí nhân viên quản lý	78.732.000	144.000.000
+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.681.170	38.555.167
+ Chi phí khấu hao		
+ Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.870.370	213.602.426
+ Các khoản chi phí khác	1.519.885	
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	981.481	31.272.455
+ Chi phí nhân viên bán hàng		
+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng	981.481	
+ Chi phí khấu hao		
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài		31.272.455
+ Các khoản chi phí khác		



	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	14.707.861.573
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.662.651	
- Chi phí nhân công	78.732.000	1.350.407.399
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	11.793.983.197
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.870.370	365.388.619
- Chi phí khác bằng tiền	6.519.885	292.571.912
Tổng	224.784.906	28.510.212.700
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.519.885	-
Lợi nhuận tính thuế	(2.982.702.656)	(2.700.402.785)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.629.995	25.629.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(116)	(105)
10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(2.984.222.541)	(2.700.402.785)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.629.995	25.629.995
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(116)	(105)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc
- Thành viên Ban Kiểm Soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chức danh	Kỳ này
+ Tiền lương	-
+ Thù lao	-
Các giao dịch khác	Kỳ này
Cho vay/ mượn tiền	-
Hoàn trả tiền mượn	-
Chi phí lãi vay	-
Giao dịch mua bán	-

Tại ngày 30/06/2024, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu - Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	22.500.000.000	22.500.000.000
Phải trả	-	-

2.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ Phần Du Lịch và Thương Mại Quốc Tế	Bên liên quan khác	-

Trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024, Công ty không có các giao dịch với các bên liên quan.

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty Cổ Phần Du Lịch và Thương Mại Quốc Tế	Nợ phải thu	465.377.000

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024, công ty không phát sinh doanh thu, giá vốn từ hoạt động kinh doanh chính. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



4. Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 30/06/2024 số lỗ lũy kế của Công ty là 303.245.071.809 VND đã làm cho vốn chủ sở hữu âm 46.945.121.809 VND. Như vậy, Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản là 46.945.121.809 VND.
- Về Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 46.945.621.809 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không được đảm bảo.
- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty gặp khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.
- Các chủ nợ có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.
- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh âm 407.829.611 VND.
- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng: Công ty không trả được nợ gốc và lãi vay ngân hàng. Chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay: Công ty không có phát sinh giao dịch mua hàng; khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Khó khăn.

b/ Về hoạt động:

- 6 tháng đầu năm 2024 Công ty chưa phát sinh dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh chính.
- Ban Tổng Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có. Tuy nhiên, để cắt giảm chi phí, 6 tháng đầu năm 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra ở Văn phòng Chi nhánh Nha Trang.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

Như vậy, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty vẫn quyết định lập và trình bày Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bán niên kết thúc ngày 30/06/2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Định Giá ASCO kiểm toán, soát xét.

Người lập biểu

Phan Thị Linh Trúc

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thọ

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đặng Thuý Vy